

Bản án số: 43/2018/HS-ST
Ngày 22-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN quyếtUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Sáng

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Chung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21, 22 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/quyếtĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị S, sinh năm 1973, nơi sinh: tỉnh NB;

Nơi cư trú: Thôn R, xã HT, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang; chỗ ở: Xóm BC, xã TH, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thiên H (đã chết) và bà Bùi Thị T (đã chết); có chồng: Nguyễn Đình T (đã chết) và 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/01/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

2. Trần Chí C, sinh ngày 09/6/1973, nơi sinh: tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Tổ 01, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Sửa chữa xe ô tô; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang B, sinh năm 1943 và bà Lý Thị K, sinh năm: 1943; có vợ: Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1983 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 01 ngày 13/01/2006 bị Tòa án nhân dân thị xã T (nay là Tòa án nhân dân thành phố T), xử phạt 15 tháng tù về tội Sử

dụng trái phép chất ma túy và tội Trốn khỏi nơi giữ, đã nộp án phí ngày 24/02/2006, chấp hành xong án tù tháng 01/2007.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/01/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

3. Phan Hồng H, sinh ngày 17/7/1990, nơi sinh: tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: Khu 2, xã ĐT, huyện HH, tỉnh Phú Thọ; chỗ ở: Tổ 23, phường PM, thành phố LC, tỉnh LC; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn L, sinh năm 1958 và bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1964; có vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1988 và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

4. Trần Văn D, sinh năm 1963, nơi sinh: tỉnh Cà Mau;

Nơi cư trú: Tổ 08, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu T (đã chết) và bà Lê Thị H, sinh năm 1938; có vợ: Nguyễn Thị C, sinh năm 1960, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 1984 bị Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 07 năm tù về tội Giết người; năm 1992 bị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 năm tù về tội Trốn khỏi nơi giam, đã chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/3/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

5. Phạm Hùng S, sinh năm 1972, nơi sinh: tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Tổ 15, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; chỗ ở: Tổ 27, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Kinh doanh vận tải; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Tiến H, sinh năm 1956 và bà Vũ Thị M, sinh năm 1963; có vợ: Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1981 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

6. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973, nơi sinh: tỉnh Thái Nguyên;

Nơi cư trú: Xóm BC, xã TH, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1950 và bà Vũ Thị L, sinh năm 1949; có vợ: Nguyễn Thị Q (đã ly hôn), con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/01/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

7. Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 20/10/1979, nơi sinh: tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn ĐT, xã XV, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1946; có vợ: Phạm Thị H, sinh năm 1984 và 01 con, sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 32 ngày 12/5/2011 của Tòa án nhân dân huyện YS xử phạt 04 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, nộp án phí ngày 17/11/2011, tháng 4/2015 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/01/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

8. Lý Văn Q, sinh năm 1970, nơi sinh: tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn Lục M, xã PN, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Không; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn T, sinh năm 1942 và bà Trương Thị T, sinh năm 1946; có vợ: Đặng Thị T (đã chết) và 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1994; tiền án: 01 tiền án: Tại bản án số 91 ngày 22/11/2013 của Tòa án nhân dân huyện YS xử phạt Lý Văn Q03 tháng tù cho hưởng án treo (tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 5.420.000 đồng), phạt tiền 2.000.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng, quyết chưa nộp tiền phạt, án phí, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/3/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

9. Lê Văn T, sinh năm 1969, nơi sinh: tỉnh VP;

Nơi cư trú: Thôn Lục M, xã PN, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 04/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1948; có vợ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1973 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện YS xử phạt 15 tháng tù về tội Trốn khỏi nơi giam và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/3/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

- *Người bào chữa:*

1. Bà Bùi Thị L - Luật sư Văn phòng Luật sư BL thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị S (do Tòa án chỉ định). *Vắng mặt gửi bản luận cứ bào chữa cho bị cáo.*

2. Bà Hoàng Kim T - Luật sư Văn phòng Luật sư BL thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang bào chữa cho bị cáo Trần Chí C (do Tòa án chỉ định). *Có mặt.*

3. Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang bào chữa cho các bị cáo Lý Văn Q và Lê Văn T. *Có mặt.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Số nhà 34, tổ 27, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; *Có mặt.*

2. Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Số nhà 81, tổ 01, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; *Có mặt.*

3. Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1964;

Nơi cư trú: Khu 2, xã ĐT, huyện HH, tỉnh Phú Thọ; *Có mặt.*

4. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1950;

Nơi cư trú: Xóm BC, xã TH, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; *Có mặt.*

5. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1960;

Nơi cư trú: Số nhà 01, tổ 08, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; *Có mặt.*

6. Ông Bùi Đức H, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: tổ 34, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; *Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.*

7. Ông Trương Minh V (tên gọi khác: quyết), sinh năm 1970;

Nơi cư trú: tổ 21, phường MX, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; *Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.*

8. Ông Lâm Duy H, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: xóm P, xã T, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang; *Có mặt.*

- *Người làm chứng*

1. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Xóm 15, xã TM, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang;

2. Ông Đoàn Văn T, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Thôn TT, xã T, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang;

(Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 10 năm 2017 đến ngày 22/3/2018, Nguyễn Thị S, trú tại Thôn R, xã HT, huyện SD; Trần Chí C, trú tại tổ 1, phường Y, thành phố T; Phan Hồng H, trú tại khu 2, xã ĐT, huyện HH, tỉnh Phú Thọ; Trần Văn D, trú tại tổ 8, phường T, thành phố T; Phạm Hùng S, trú tại tổ 27, phường T, thành

phố T; Nguyễn Tuấn P, Thôn ĐT, xã XV, huyện YS; Nguyễn Văn Đ, Xóm BC, xã TH, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; Lý Văn Q và Lê Văn T, đều trú tại Thôn Lục M, xã PN, huyện YS đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và mua bán trái phép chất ma túy như sau:

1 - Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Nguyễn Thị S, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Nguyễn Văn Đ

Lần 1: Trong thời gian tháng 10/2017 (không xác định được ngày), S đi đến khu vực chợ cũ huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên mua của người đàn ông không quen biết 01 gói hêrôin với giá 400.000 đồng (*bốn trăm nghìn đồng*), mục đích để bán. Khoảng 23 giờ, S một mình đi xe mô tô sang thành phố T, đến khoảng 01 giờ sáng thì tới khu vực chợ đêm thuộc phường T, thành phố T gặp Trần Văn D, trú tại tổ 8 phường T thành phố T, S bán cho D 01 gói hêrôin với giá 800.000 đồng (*tám trăm nghìn đồng*), bán xong S đi về SD.

Lần 2: Khoảng 08 giờ ngày 17/01/2018, Trần Trí C trú tại tổ 01 phường Y, thành phố T điện thoại cho S hỏi mua 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*) hêrôin, S nhất trí bán. Sau khi C hỏi mua hêrôin, S đón xe khách sang khu vực bến xe thành phố Thái Nguyên, gặp và mua của người đàn ông không quen biết 01 gói hêrôin với số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*), mua xong S mang về nhà tại xã HT, huyện SD, sau đó hẹn C sang khu vực nhà nghỉ HG để lấy ma túy. Khoảng 23 giờ cùng ngày, C đi xe ô tô biển số 20K-4555 đến nhà nghỉ HG thuộc thị trấn SD, huyện SD, được S bán cho 01 gói hêrôin với giá 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*).

Khoảng 07 giờ ngày 19/01/2018, Nguyễn Thị S một mình đến khu vực chợ cũ huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên mua của người đàn ông không biết tên, địa chỉ 01 gói hêrôin với giá 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*), mua xong S mang gói hêrôin vào nhà Nguyễn Văn Đ (sống như vợ chồng với S), trú tại xóm BC, xã TH, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên, S lấy một phần nhỏ hêrôin cho Đ, số còn lại cất giấu trong người.

Hồi 13 giờ 30 phút cùng ngày 19/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang tiến hành khám xét khẩn cấp đối với S tại phòng số 303 nhà nghỉ SM thuộc thôn ĐC, xã HT, huyện SD, thu giữ của S 01 gói bên ngoài bọc bằng lớp băng dính màu đen, trong là lớp nilong màu trắng chứa chất bột vón cục màu trắng ngà, S khai nhận đó hêrôin, mục đích bán, thu giữ 02 điện thoại di động (gồm 01 điện thoại nhãn hiệu MOBELL màu đen, 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO màu hồng nhạt). Tiến hành xét nghiệm có kết quả (-) âm tính không có chất ma túy trong cơ thể S, S không sử dụng ma túy.

Tại kết luận giám định số 70 ngày 22/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Số bột vón cục màu trắng ngà thu giữ trong gói nhỏ của Nguyễn Thị S gửi tới giám định là heroine (hêrôin) có khối lượng 18,720 gam.

Hồi 16 giờ 30 phút ngày 19/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn Đ tại xóm BC, xã TH, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên, thu giữ của Đ 01 gói nhỏ bọc ngoài bằng nilong màu trắng bên trong chứa chất bột vón cục màu trắng ngà, 01 túi nilong màu trắng có 03 viên nén màu hồng và 01 viên bị cắt một nửa; Thu giữ 01 khẩu súng hơi bắn đạn chì và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu vàng nhạt; Thu giữ số tiền 17.500.000 đồng (*mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Xét nghiệm có kết quả (+) dương tính với chất ma túy trong cơ thể Đ.

Về nguồn số ma túy thu giữ Nguyễn Văn Đ khai nhận: Ngày 16/01/2018, Đ đến khu vực chợ cũ của huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên mua của một đàn ông không quen biết 04 viên ma túy tổng hợp với số tiền 400.000 đồng (*bốn trăm nghìn đồng*), sau đó mang về sử dụng một nửa viên (1/2 viên) bằng cách nuốt vào cơ thể, số 3,5 viên còn lại cất trong túi áo mặc trên người. Sáng ngày 19/01/2018, khi Đ đang ở nhà thì S đến được S cho 01 ít hêrôin, Đ sử dụng hết bằng cách tiêm chích vào cơ thể. Khoảng 12 giờ cùng ngày, Đ một mình đón xe khách sang khu vực bến xe khách huyện SD gặp và mua của một người đàn ông không biết tên, địa chỉ một gói hêrôin với giá 500.000 đồng. Sau đó, Đ ra chỗ vắng người sử dụng một ít bằng cách tiêm trích vào cơ thể, số hêrôin còn lại Đ gói lại bằng nilong màu trắng cất giữ để sử dụng dần rồi đón xe về nhà. Đến 16h30' cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện khám xét, thu giữ các vật chứng nêu trên.

Tại kết luận giám định số 71 ngày 22/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Số chất bột vón cục màu trắng ngà thu giữ của Nguyễn Văn Đ gửi tới giám định là heroine (hêrôin) có khối lượng 1,268 gam; Số viên nén màu hồng là ma túy tổng hợp Methamphetamin, dạng ATS có khối lượng 0,313 gam, tổng khối lượng là 1,581 gam.

2 - Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Trần Chí C

Trong thời gian tháng 12/2017 (không xác định được ngày), C 02 lần mua của 02 người đàn ông không biết tên, địa chỉ tại khu vực cầu sắt thuộc thị trấn SD, huyện SD 02 gói hêrôin mang về nhà với mục đích để bán và sử dụng, cụ thể:

Lần 1: Khoảng 20 giờ (không xác định được ngày) tháng 12/2017, C điện thoại hỏi P có mua hêrôin không, P nhất trí mua, C đi xe ô tô biển số 20K-4555 đến ngã ba Chùa Xuân Vân, xã XV, huyện YS gặp và bán cho Nguyễn Tuấn P, trú tại Thôn ĐT, xã XV, huyện YS 01 hêrôin với giá 800.000 đồng (*tám trăm nghìn đồng*).

Lần 2: Khoảng 17 giờ ngày 28/12/2017, Nguyễn Tuấn P điện thoại hỏi C mua hêrôin, C nhất trí bán, hẹn giao ma túy tại khu vực cầu Tân Hà, thuộc xã Tràng Đà, thành phố T. Sau đó, C đi xe ô tô biển số 20K-4555 đến điểm hẹn và

bán cho P 02 gói hêrôin đựng trong vỏ bao thuốc lá Thăng Long với giá 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Khoảng 08 giờ ngày 17/01/2018, C điện thoại cho Nguyễn Thị S về việc hỏi mua ma túy. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, C điều khiển xe ô tô biển số 20K-4555 đến nhà nghỉ HG thuộc thị trấn SD, huyện SD mua của S một gói hêrôin với số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*), mua xong C mang số hêrôin trên về nhà sử dụng một phần, số còn lại chia thành các gói nhỏ, cất giấu nhiều nơi trong nhà, mục đích để bán.

Hồi 10 giờ ngày 19/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Chí C tại tổ 01, phường Y, thành phố T, thu giữ 04 gói nhỏ bên trong chứa chất bột vón cục màu trắng ngà, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOIKA màu đen, 01 cân điện tử, 01 khẩu súng ký hiệu K-17, số tiền 24.500.000 đồng (*hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng*), 01 xe ô tô biển số 20K-4555 kèm theo đăng ký xe mang tên Hồng Sỹ H do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 28/4/2000 (C mua lại xe nhưng chưa sang tên theo quy định). Tiến hành xét nghiệm ma túy kết quả C (+) dương tính chất ma túy trong cơ thể.

Tại kết luận giám định số 69 ngày 22/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Số chất bột vón cục màu trắng ngà trong 04 gói nhỏ thu giữ của Trần Chí C gửi tới giám định là heroine (hêrôin) có tổng khối lượng là 31,002 gam.

3 - Hành vi mua bán trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy của Phạm Hùng S. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Phan Hồng H và Nguyễn Tuấn P

Vào khoảng 19 giờ ngày 01/01/2018, Phạm Hùng S một mình đón taxi xuống khu vực ngã ba thị trấn ĐH, huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ, gặp và mua gồm nhiều loại ma túy (Heroine, Methamphetamin; MDMA và hêrôin; Sái thuốc phiện) của một người đàn ông không quen biết làm nghề lái xe ôm với số tiền 3.600.000 đồng (*ba triệu sáu trăm nghìn đồng*), sau đó mang về nhà cất giấu, mục đích để bán và sử dụng.

Khoảng 12 giờ ngày 02/01/2018, Phạm Hùng S bán cho Nguyễn Tuấn P, trú tại Thôn ĐT, xã XV, huyện YS 01 gói hêrôin với số tiền 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Sau khi mua được gói hêrôin, P mang về nhà sử dụng một phần, số còn lại chia thành 09 gói nhỏ cất giấu trong người với mục đích để sử dụng dần.

Hồi 16 giờ 30 P cùng ngày, khi P đang chơi tại xóm 13, xã TL, huyện YS thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Tuyên Quang phát hiện, lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, thu giữ 09 gói ma túy, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, tiến hành xét nghiệm kết quả (+) P dương tính có chất ma túy trong cơ thể.

Tại kết luận giám định số 42 ngày 04/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: Số chất bột vón cục màu trắng ngà trong 09 gói nhỏ thu giữ của Nguyễn Tuấn P gửi tới giám định là heroine (hêrôin) có khối lượng 1,775 gam.

Hồi 08 giờ ngày 03/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Hùng S, thu giữ nhiều loại ma túy và dụng cụ để sử dụng ma túy gồm 07 gói được gói bằng giấy bạc màu vàng trong chứa chất bột vón cục màu trắng ngà; 01 gói bằng túi nilong màu trắng viền túi màu xanh bên trong chứa chất tinh thể màu trắng; 01 gói bằng túi nilong màu trắng viền túi màu đỏ chứa chất bột màu trắng ngà; 01 gói bằng túi nilong màu trắng bên trong chứa chất tinh thể màu trắng; 02 gói bằng túi nilong màu hồng chứa chất rắn màu đen; 22 viên nén màu hồng có dập chữ “WY” đựng trong túi nilong màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SONY màu hồng; 03 bộ đồ bằng thủy tinh có ống hút là dụng cụ sử dụng ma túy và số tiền 55.500.000 đồng (*năm mươi năm triệu năm trăm nghìn đồng*).

Trong khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang đang tiến hành khám xét nhà S phát hiện Phan Hồng H, trú tại khu 2, xã ĐT, huyện HH, tỉnh Phú Thọ đang ở trên tầng hai nhà S có dấu hiệu cất giấu ma túy, tổ công tác đã tiến hành kiểm tra H, phát hiện thu giữ trên người H và trong túi mang khoác trên người H nhiều loại ma túy gồm 01 gói bọc nilong màu trắng chứa tinh thể màu trắng; 01 túi chứa 50 viên nén hình tròn màu trắng đục nghi là ma túy tổng hợp; 01 gói nilong màu trắng chứa chất bột màu trắng; 260.350.000 đồng (*hai trăm sáu mươi triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) và 02 điện thoại di động (gồm 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONES màu trắng, 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA màu đen). Tiến hành xét nghiệm tìm chất ma túy, kết quả S, H (+) dương tính có chất ma túy trong cơ thể.

Về nguồn gốc số ma túy thu giữ, Phan Hồng H khai nhận: Sáng ngày 03/01/2018, H đi trên xe ô tô cùng một người đàn ông tên Tr không rõ họ, địa chỉ cụ thể, không nhớ biển số xe. Trên đường đi từ Phú Thọ lên Tuyên Quang, do biết H sử dụng ma túy, Tr đã cho H ma túy để sử dụng. Khi Tr và H lên nhà S thì Tr đi có việc còn H ở tầng hai với S, thấy S đang sử dụng ma túy bằng cách đốt hít vào cơ thể qua bình thủy tinh. Sau khi sử dụng ma túy xong S xuống dưới nhà gọi xe ô tô cho H đi có việc. H đã lấy bộ đồ thủy tinh và hêrôin của S tự ý sử dụng bằng cách đốt hít vào cơ thể (S không biết H tàng trữ và sử dụng ma túy). Trong khi H đang ở phòng của S thì bị Cơ quan điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang phát hiện, thu giữ toàn bộ ma túy trên người H như đã nêu trên.

Tại kết luận giám định số 43 ngày 04/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang và tại kết luận giám định số 1394 ngày 21/3/2018 của Viện khoa học hình sự (C54), Bộ Công an kết luận đối với số ma túy thu giữ của Phan Hồng H: 01 gói nilong màu trắng chứa chất tinh thể màu trắng là Ketamin có khối lượng 11,982 gam; 50 viên nén hình tròn màu trắng đục trên

dập hình ngôi sao sáu cánh là ma túy loại MDMA, dạng ma túy tổng hợp nhóm ATS có tổng khối lượng 15,444 gam; 01 gói nilong màu trắng chứa chất bột màu trắng là ma túy MDMA và heroine có khối lượng 4,305 gam. Tổng khối lượng ma túy thu của H là 31,677 gam.

Tại kết luận giám định số 44 ngày 04/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang và tại kết luận giám định số 1394 ngày 21/3/2018 của Viện khoa học hình sự (C54), Bộ Công an kết luận đối với số ma túy thu giữ của Phạm Hùng S: Số chất bột vón cục màu trắng ngà là heroine (hêrôin) có tổng khối lượng là 7,308 gam (gồm 07 gói được gói bằng giấy bạc màu vàng chứa hêrôin khối lượng 4,848 gam, 01 túi nilong màu trắng chứa hêrôin khối lượng 2,460 gam); Thu giữ số lượng Methamphetamin là ma túy tổng hợp dạng ATS có tổng khối lượng 4,564 gam (gồm 01 gói nilong màu trắng chứa Methamphetamin khối lượng 4,309 gam, 01 gói nilong màu trắng chứa Methamphetamin khối lượng 0,255 gam); Thu giữ 22 viên nén màu hồng có dập chữ “WY” trong túi nilong màu trắng là Methamphetamin, là chất ma túy tổng hợp dạng ATS có khối lượng 2,310 gam; Thu giữ số chất ma túy có dạng tinh thể màu trắng trong túi nilong là ma túy loại MDMA và hêrôin có khối lượng 0,168 gam; Thu giữ sỏi thuốc phiện có khối lượng 7,895 gam trong 02 túi nilong được giám định có hàm lượng morphine (moocphin) là 5,2%, sau khi quy đổi có khối lượng 0,410 gam; Tổng khối lượng ma túy thu giữ của S là 14,760 gam;

4 - Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Trần Văn D và hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Lý Văn Q và Lê Văn T

Vào khoảng 01 giờ sáng (không xác định được ngày) trong tháng 10/2017 tại khu vực chợ đêm thuộc phường T, thành phố T, Trần Văn D mua 800.000 đồng (*tám trăm nghìn đồng*) hêrôin của Nguyễn Thị S, Sau khi mua được hêrôin D chia thành 06 gói nhỏ, D sử dụng 02 gói, còn 04 gói để bán kiếm lời, cụ thể:

Lần 1: Khoảng 12 giờ (không xác định được ngày) trong tháng 10/2017, tại nơi ở D đã bán cho Trần Chí C 02 gói hêrôin với giá 1.600.000 đồng (*một triệu sáu trăm nghìn đồng*), C sử dụng hết, kết quả điều tra lời khai của C phù hợp với lời khai nhận của D.

Lần 2: Khoảng 12 giờ (không xác định được ngày) trong tháng 10/2017, tại nơi ở D đã bán cho Nguyễn Tuấn P 02 gói hêrôin với giá 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*), P sử dụng hết, kết quả điều tra lời khai của P phù hợp với lời khai nhận của D.

Sau khi bán hêrôin cho C và P, khoảng 03 ngày sau (không xác định được ngày) tháng 10/2017, Trần Văn D một mình đi đến khu vực bến xe khách thành phố T mua của người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ 04 gói hêrôin với số tiền 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) D sử dụng 02 gói, còn 02 gói mục đích để bán, cụ thể:

Lần 3: Sau khi bán lần 2 khoảng 04 ngày, khoảng 12 giờ (không xác định được ngày, cách ngày D bán lần 2 khoảng 04 ngày) tháng 10/2017, tại nơi ở D

bán cho Trần Chí C 01 gói hêrôin với giá 700.000 đồng (*bảy trăm nghìn đồng*), C sử dụng hết, kết quả điều tra lời khai nhận của C phù hợp với lời khai của D.

Lần 4: Khoảng 12 giờ (không xác định được ngày, cách ngày D bán lần 3 khoảng 04 ngày) tháng 10/2017, tại nơi ở D bán cho Nguyễn Tuấn P 01 gói hêrôin với giá 400.000 đồng (*bốn trăm nghìn đồng*), P sử dụng hết, kết quả điều tra lời khai của P phù hợp với lời khai nhận của D.

Khoảng 08 giờ ngày 14/3/2018, Trần Văn D một mình đón xe khách sang khu vực bến xe khách thành phố Thái Nguyên mua của người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ số tiền 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) nhiều loại ma túy, gồm hêrôin, ma túy dạng đá, ma túy dạng viên nén và ma túy dạng cỏ, mua xong D mang số ma túy về nhà chia thành nhiều gói nhỏ cất giấu, mục đích vừa sử dụng, vừa bán lại kiếm lời cụ thể:

Lần 5: Khoảng 15 giờ ngày 16/3/2018, Lý Văn Q, trú tại Thôn Lục M, xã PN, huyện YS điện thoại cho Trần Văn D mua hêrôin để sử dụng, D nhất trí bán, hẹn quyết đến khu vực đường tránh lũ thuộc xóm GG, xã T, huyện YS để giao ma túy. Sau đó, D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 22B1-449.54 đến điểm hẹn D bán 01 gói hêrôin cho quyết với giá 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*), quyết mang gói hêrôin về nhà sử dụng một phần, số còn lại đến ngày 20/3/2018 cùng Lê Văn T (trú cùng thôn) sử dụng hết.

Lần 6: Khoảng 15 giờ ngày 21/3/2018, Lê Văn T rủ Lý Văn Q cùng nhau mua hêrôin Trần Văn D cùng sử dụng. Sau đó, quyết điện thoại cho D hỏi mua hêrôin, D nhất trí bán và hẹn gặp quyết tại khu vực đường tránh lũ giao ma túy. Sau đó quyết và T đi xe mô tô đến khu vực đường tránh lũ thuộc thôn GG, xã T, huyện YS gặp D, được D bán cho 01 gói hêrôin với giá 850.000 đồng (*tám trăm năm mươi nghìn đồng*), sau khi bán hêrôin và nhận tiền D đi về, còn T cầm gói hêrôin, quyết điều khiển xe mô tô chở T về nhà, trên đường đi sợ bị rơi nên T nhét gói hêrôin vào túi quần quyết. Khoảng 16 giờ 30' cùng ngày, khi quyết và T đến khu vực xóm GG, xã T, huyện YS thì bị tổ công tác của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Tuyên Quang phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối quyết và T về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ 01 gói hêrôin, 01 xe mô tô biển kiểm soát 22B1-238.93, 01 điện thoại di động nhãn hiệu GOLY màu đen của quyết, đồng thời tiến hành xét nghiệm tìm chất ma túy kết quả T, quyết đều (+) dương tính với chất ma túy trong cơ thể.

Tại kết luận giám định số 150 ngày 23/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Số chất bột vón cục màu trắng ngà trong gói nhỏ thu giữ của Lê Văn T, Lý Văn Q gửi tới giám định là heroine có khối lượng 0,409 gam.

Đối với số ma túy còn lại cất giấu tại nơi ở, khoảng 13 giờ ngày 22/3/2018, D mang 02 gói hêrôin để sử dụng rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 22B-449.54 (xe đăng ký tên Nguyễn Thị C, vợ D) khi đi đến khu vực tổ 4,

phường TH, thành phố T thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Tuyên Quang phát hiện, lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ 02 gói heroin, tạm giữ xe mô tô biển kiểm soát 22B-449.54, 02 điện thoại di động (gồm 01 điện thoại nhãn hiệu MOBISTAR màu xanh đen, 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG màu trắng), tiến hành xét nghiệm có kết quả (+) dương tính chất ma túy trong cơ thể D.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở đối với D, Cơ quan điều tra thu giữ nhiều loại ma túy, gồm 01 gói nhỏ bọc giấy bạc màu vàng chứa chất bột vón cục màu trắng ngà; Thu giữ 06 gói nhỏ bọc ngoài nilong màu trắng có viền chỉ đỏ chứa các hạt tinh thể màu trắng; Thu giữ 08 gói nhỏ nilong màu trắng có viền đỏ, trong mỗi gói chứa 05 viên nén màu vàng có ký hiệu D&G; Thu giữ 03 gói nilong, trong đó có 02 màu xanh có chữ MARIO MADEIN USA, 01 gói nilong trắng bên trong đều chứa các sợi lá khô vụn; Thu giữ số tiền 38.200.000 đồng (*ba mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng*); 01 khẩu súng kíp dạng tự chế.

Tại kết luận giám định số 152 ngày 26/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Số bột màu trắng trong 02 gói nhỏ thu giữ quả tang đối với Trần Văn D và 01 gói nhỏ chứa chất bột màu trắng trong gói nhỏ thu giữ tại nhà D gửi tới giám định là heroine (heroin) có khối lượng 0,935 gam; Số chất tinh thể màu trắng trong 06 gói gửi tới giám định là Ketamin có khối lượng 4,290 gam; Số viên nén màu vàng là Methamphetamin là chất ma túy tổng hợp thuộc nhóm ATS khối lượng 10,220 gam;

Tại kết luận số 1864 ngày 12/4/2018 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an, kết luận: Không tìm thấy chất ma túy trong sợi lá vụn khô khối lượng 11,306 gam thu của Trần Văn D. Tổng khối lượng các chất ma túy thu giữ của D là 15,445 gam.

Tại kết luận giám định số 1854/C54(P3) ngày 27/4/2018 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an, kết luận về khẩu súng của Trần Văn D là súng kíp, thuộc súng săn, không phải vũ khí quân dụng.

Vật chứng: quyếtuá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang đã thu giữ tang vật vụ án là các chất ma túy, súng các loại, xe mô tô, xe ô tô, điện thoại di động của các bị can, ngoài ra còn thu giữ tài sản khác, trong đó:

Ngày 03/01/2018, thu giữ của Phạm Hùng S số tiền 55.500.000 đồng (*năm mươi năm triệu năm trăm nghìn đồng*), qua điều tra xác định 53.000.000 đồng (*năm mươi ba triệu đồng*) không phải là tiền do phạm tội mà có, là tiền của chị Nguyễn Thị Thu T (là vợ bị can S, trú cùng địa chỉ), ngày 17/5/2018, cơ quan điều tra đã trả lại số tiền trên cho chị T1. Riêng số tiền 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*) bán ma túy do phạm tội mà có của S được chuyển theo hồ sơ chờ xử lý. Cùng ngày, thu giữ số tiền 260.350.000 đồng (*hai trăm sáu mươi triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) của Phan Hồng H, qua điều tra

xác định 260.000.000 đồng (*hai trăm sáu triệu đồng*) không phải là tiền do phạm tội mà có, là tiền của bà Lê Thị Kim H (mẹ bị cáo H, trú cùng địa chỉ), ngày 09/02/2018, cơ quan điều tra đã trả lại số tiền trên cho bà H, số tiền 350.000 đồng (*ba trăm năm mươi nghìn đồng*) của H được chuyển theo hồ sơ chờ xử lý.

Ngày 19/01/2018, thu giữ của Trần Chí C số tiền 24.500.000 đồng (*hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng*), qua điều tra xác định 21.700.000 đồng (*hai mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng*) thu giữ không phải tiền do phạm tội mà có, là tiền của chị Nguyễn Thị Ngọc H (vợ C, trú cùng địa chỉ), ngày 17/5/2018 Cơ quan điều tra trả lại số tiền trên cho chị H, riêng 2.800.000 đồng (*hai triệu tám trăm nghìn đồng*) là tiền của C được chuyển theo hồ sơ chờ xử lý. Ngày 29/01/2018 cơ quan điều tra đã thu giữ 01 nòng súng dạng tự chế, 04 thanh kiếm của Trương Văn V, số tang vật trên được chuyển theo hồ sơ chờ xử lý.

Ngày 19/01/2018, thu giữ của Nguyễn Văn Đ số tiền 17.500.000 đồng (*mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng*), qua điều tra xác định số tiền trên không phải tiền do phạm tội mà có, là tiền của bà Vũ Thị L (mẹ Đ, trú cùng địa chỉ), ngày 18/5/2018, cơ quan điều tra đã trả lại số tiền trên cho bà L.

Ngày 22/3/2018, thu giữ của Trần Văn D 01 xe mô tô và số tiền 38.200.000 đồng (*ba mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng*), quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô và số tiền trên không phải tài sản do phạm tội mà có, là tài sản của bà Nguyễn Thị C (vợ D, trú cùng địa chỉ), ngày 17/5/2018 đã trả lại xe và tiền cho bà C.

Bản Cáo trạng số 41/CT-VKS ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố: Các bị cáo Nguyễn Thị S và Trần Chí C, về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015; Phan Hồng H về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm b, h khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; Trần Văn D về hai tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm g, n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015; Phạm Hùng S về hai tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm g, n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nguyễn Văn Đ về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c, i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nguyễn Tuấn P, Lê Văn T và Lý Văn Q về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội.

Phản tranh luận, Kiểm sát viên trình bày luận tội:

Bị cáo Phan Hồng H theo nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b, h khoản 3 Điều 249 Bộ luật

Hình sự. Nhưng Viện kiểm sát thấy số lượng ma túy H tàng trữ gồm chất ma túy MDMA và Heroin tổng bằng 19,749g là hai chất ma túy trong cùng một điểm và chất ma túy Ketamin 11,982g.

Căn cứ Nghị định 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì tổng phần trăm của 3 chất ma túy do H tàng trữ là 77,812%, chưa đủ 100% theo quy định tại khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự nên hành vi của H phạm vào quy định tại điểm g và điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát rút khoản truy tố đối với bị cáo H từ khoản 3 xuống khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Thị S, Trần Chí C, Trần Văn D, Phạm Hùng S, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tuấn P, Lê Văn T, Lý Văn Qnhur nội dung Bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đối với Nguyễn Thị S và Trần Chí C: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Riêng đối với bị cáo Nguyễn Thị S áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo:

- + Nguyễn Thị S: từ 15 năm 06 tháng đến 16 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 19/01/2018;

- + Trần Chí C: từ 15 năm đến 16 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 19/01/2018;

- Đối với Phan Hồng H: Áp dụng điểm g, n khoản 2 Điều 249; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Hồng H từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 03/01/2018;

- Đối với Trần Văn D: Áp dụng điểm g, n khoản 2 Điều 249; điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn D về hai tội:

- + Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy từ 06 năm đến 07 năm tù;

- + Tội Mua bán trái phép chất ma túy từ 08 năm đến 09 năm tù;

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt cho cả hai tội từ 14 đến 16 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 22/3/2018.

- Đối với Phạm Hùng S: Áp dụng điểm g, n khoản 2 Điều 249; khoản 1 Điều 251; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Hùng S về hai tội:

- + Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù;

- + Tội Mua bán trái phép chất ma túy từ 02 năm đến 03 năm tù;

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt cho cả hai tội từ 07 đến 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 03/01/2018.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ: Áp dụng điểm c, i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 02 năm đến 03 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 19/01/2018.

- Đối với bị cáo Nguyễn Tuấn P, Lý Văn Q và Lê Văn T: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Riêng đối với Nguyễn Tuấn P và Lê Văn T áp dụng thêm khoản 2, Điều 51 BLHS. Riêng đối với bị cáo Nguyễn Tuấn P áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng đối với Lý Văn Q áp dụng thêm đoạn 1 “tái phạm” điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo:

+ Bị cáo Nguyễn Tuấn P từ 02 năm đến 03 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 02/01/2018.

+ Bị cáo Lê Văn T và bị cáo Lý Văn Q từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 21/3/2018.

Về hình phạt bổ sung: quyết định điều tra, xác minh các bị cáo đều không có tài sản riêng nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xử lý như sau:

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ các loại ma túy trong phong bì niêm phong, súng, thanh kiếm các loại thu giữ của các bị cáo tình trạng, đặc điểm như biên bản bàn giao giữa Cơ quan điều tra với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang ngày 28/6/2018.

- Đối với Nguyễn Thị S: Truy thu sung công quỹ Nhà nước 40.800.000đ (*bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng*) do bị cáo phạm tội mà có

Trả lại cho bị cáo 02 điện thoại di động (01 chiếc hiệu MOBELL số IMEL 810033600377219 và 01 chiếc hiệu OPPO số IMEL 864214034101412) tình trạng như biên bản bàn giao giữa Cơ quan điều tra với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang ngày 28/6/2018.

- Đối với Trần Chí C: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 2.300.000đ (*hai triệu ba trăm nghìn đồng*) do bị cáo phạm tội mà có;

Trả lại cho bị cáo 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA loại ACCORD màu S trắng BKS 20K-45555 số khung GCA 553 XHH 001191 tình trạng như biên bản bàn giao giữa Cơ quan điều tra với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang ngày 28/6/2018; 01 đăng ký xe ô tô số A0007451 mang tên Hồng Sỹ H và 01 điện thoại di động NOKIA số IMEL 357 342082210172, tình trạng như biên

bản bàn giao giữa Cơ quan điều tra với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang ngày 28/6/2018.

Tịch thu tiêu hủy 01 cân điện tử màu trắng (tình trạng như biên bản bàn giao giữa Cơ quan điều tra với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang ngày 28/6/2018) và trả lại cho bị cáo Trần Chí C 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Đối với Trần Văn D: Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 5.550.000đ (*năm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) do bị cáo phạm tội mà có.

Trả lại cho bị cáo 02 điện thoại (Trong đó 01 chiếc hiệu MOBISTAR số IMEL 349640223496126 và 01 chiếc hiệu SAMSUNG số IMEL 352135070384076).

Trả lại cho Trần Văn D 01 vòng đeo tay bằng gỗ. Tình trạng như biên bản bàn giao giữa Cơ quan điều tra với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang ngày 28/6/2018;

- Đối với Phạm Hùng S: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 2.500.000đ (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*) do bị cáo phạm tội mà có;

Tịch thu tiêu hủy 03 bộ đồ sử dụng chất ma túy; trả lại cho bị cáo Phạm Hùng S 01 điện thoại hiệu SONI vỏ máy màu hồng trắng số IMEL 351637076289424 tình trạng như biên bản bàn giao giữa Cơ quan điều tra với Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang ngày 28/6/2018. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tuấn P: 01 điện thoại hiệu OPPO màu trắng số IMEL BG 0739036331777 tình trạng như biên bản bàn giao giữa Cơ quan điều tra với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang ngày 28/6/2018. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Phan Hồng H 02 điện thoại di động (01 chiếc hiệu IPHONE vỏ đồng số IMEL 3554290722335252; 01 chiếc hiệu NOKIA số IMEL 357286082354949) tình trạng như biên bản bàn giao giữa Cơ quan điều tra với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang ngày 28/6/2018. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 cân điện tử hiệu AnPut và trả lại cho bị cáo: Nguyễn Văn Đ 02 điện thoại di động (trong đó 01 chiếc hiệu SAMSUNG số IMEL 35507908069667 và 01 chiếc hiệu GOLYG 102 số IMEL 355817074260009) tình trạng như biên bản bàn giao giữa Cơ quan điều tra với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang ngày 28/6/2018. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Lý Văn Q01 xe mô tô nhãn hiệu WaVe màu trắng BKS 22 B1-238.93 tình trạng như biên bản bàn giao giữa Cơ quan điều tra với Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang ngày 28/6/2018. Nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo bản án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị S trình bày luận cứ: Nhất trí với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang và nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo S mức án khởi điểm của khung hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Chí C trình bày luận cứ: Nhất trí với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang và nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là đúng với tính chất mức độ của hành vi phạm tội. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo C mức hình phạt khởi điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo Lý Văn Q, Lê Văn T trình bày luận cứ: Nhất trí với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang và nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo Q, T sống tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức của các bị cáo còn hạn chế, đề nghị Hội đồng xét xử xử các bị cáo mức án khởi điểm của khung hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Các bị cáo nhất trí với quan điểm bào chữa của Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý không bổ sung thêm ý kiến.

Kết thúc phần tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị S, Trần Chí C, Phan Hồng H, Trần Văn D, Phạm Hùng S, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tuấn P, Lý Văn Q, Lê Văn T tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Bị cáo Phan Hồng H theo nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b, h khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự. Nhưng Viện kiểm sát thấy số lượng ma túy H tàng trữ gồm chất ma túy

MDMA và Heroin tổng bằng 19,749g là hai chất ma túy trong cùng một điểm và chất ma túy Ketamin 11,982g.

Căn cứ Nghị định 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì tổng phần trăm của 3 chất ma túy do H tàng trữ là 77,812%, chưa đủ 100% theo quy định tại khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự nên hành vi của H phạm vào quy định tại điểm g và điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát rút khoản truy tố đối với bị cáo H xuống khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử thấy đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, lời khai của những người làm chứng; căn cứ vào tang vật thu giữ, các kết luận giám định và những tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ khoảng tháng 10 năm 2017 đến ngày 22/3/2018, Nguyễn Thị S, Trần Chí C, Phan Hồng H, Phạm Hùng S, Trần Văn D, Nguyễn Tuấn P, Nguyễn Văn Đ, Lý Văn Q và Lê Văn T đã có hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy như sau:

1. Đối với Nguyễn Thị S: đã 02 lần bán trái phép chất ma túy, cụ thể:

Lần 1: Trong thời gian tháng 10/2017, tại khu vực chợ đêm thuộc phường T, thành phố T, Nguyễn Thị S bán cho Trần Văn D 01 gói hêrôin với giá 800.000 đồng.

Lần 2: Khoảng 23 giờ ngày 17/01/2018, tại nhà nghỉ HG thuộc thị trấn SD, huyện SD, Nguyễn Thị S bán cho Trần Chí C 01 gói hêrôin có khối lượng 31,022 gam với giá 40.000.000 đồng và S có hành vi tàng trữ 18,720 gam hêrôin, mục đích bán.

Như vậy, hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Nguyễn Thị S có tổng khối lượng là 49,722 gam Heroine (hêrôin), tổng số tiền thu lợi do bán trái phép chất ma túy là 40.800.000 đồng (*Bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng*).

2. Đối với Trần Chí C: Trong thời gian tháng 12/2017, C đã 02 lần bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Tuấn P và tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích bán, cụ thể:

Lần 1: Trong tháng 12 năm 2017, Trần Chí C bán cho Nguyễn Tuấn P 01 gói hêrôin với giá 800.000 đồng;

Lần 2: Trong tháng 12 năm 2017, Trần Chí C bán cho Nguyễn Tuấn P 02 gói hêrôin với giá 1.500.000 đồng.

Ngày 19/01/2018, tại nơi ở Trần Chí C đã có hành vi tàng trữ hêrôin có khối lượng 31,002 gam, nhằm mục đích bán.

Tổng số tiền C thu lợi do phạm tội (mua bán trái phép chất ma túy) mà có là 2.300.000 đồng (*Hai triệu ba trăm nghìn đồng*).

3. Đối với Phan Hồng H: H có hành vi tàng trữ nhiều loại ma túy trái phép chất ma túy gồm: Ketamin có khối lượng 11,982 gam; 50 viên nén hình tròn màu trắng đục trên dập hình ngôi sao sáu cánh là ma túy loại MDMA, dạng ma túy tổng hợp nhóm ATS có tổng khối lượng 15,444 gam; 01 gói nilong màu trắng chứa chất bột màu trắng là ma túy MDMA và heroine có khối lượng 4,305 gam. Tổng khối lượng ma túy Phan Hồng H tàng trữ là 31,677 gam, mục đích để sử dụng;

4. Đối với Trần Văn D: D đã 06 lần có hành vi bán trái phép chất ma túy, thu lợi tổng số tiền 5.550.000 đồng, cụ thể:

Trong tháng 10/2017, Trần Văn D đã 02 lần bán cho Trần Chí C 03 gói heroine với số tiền 2.300.000 đồng và bán 02 lần cho Nguyễn Tuấn P 02 gói heroine với số tiền 1.900.000 đồng.

Khoảng 15 giờ ngày 16/3/2018, Trần Văn D đã bán cho Lý Văn Q01 gói heroine với số tiền 500.000 đồng.

Khoảng 15 giờ ngày 21/3/2018, Trần Văn D bán cho Lý Văn Q và Lê Văn T 01 gói heroine có khối lượng 0,409 gam với giá 850.000 đồng;

Ngày 22/3/2018, Trần Văn D có hành vi tàng trữ nhiều loại ma túy trái phép gồm heroine có khối lượng 0,935 gam; Ketamin có khối lượng 4,290 gam; Methamphetamin là chất ma túy tổng hợp thuộc nhóm ATS khối lượng 10,220 gam. Tổng khối lượng các loại ma túy là 15,445 gam, mục đích sử dụng.

5. Đối với Phạm Hùng S: Khoảng 12 giờ ngày 02/01/2018, tại tổ 27, phường T, thành phố T, S có hành vi 01 lần bán trái phép 01 gói heroine với giá 2.500.000 đồng cho Nguyễn Tuấn P có khối lượng 1,775 gam heroine và S có hành vi tàng trữ nhiều loại ma túy trái phép chất ma túy, gồm số chất bột vón cục màu trắng ngà là heroine (hêrôin) có tổng khối lượng là 7,308 gam; Methamphetamin là ma túy tổng hợp dạng ATS có tổng khối lượng 4,564 gam; 22 viên nén màu hồng có dập chữ “WY” là Methamphetamin, là chất ma túy tổng hợp dạng ATS có khối lượng 2,310 gam; ma túy có dạng tinh thể màu trắng loại MDMA và heroine có khối lượng 0,168 gam; gói thuốc phiện có khối lượng 7,895 gam có hàm lượng morphine (moocphin) là 5,2%, quy đổi có khối lượng 0,410 gam;

Tổng khối lượng ma túy Phạm Hùng S tàng trữ là 14,760 gam heroine nhằm mục đích để sử dụng;

6. Đối với Nguyễn Tuấn P: Ngày 02/01/2018, tại khu vực xóm 13, xã TL, huyện YS, P có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, khối lượng 1,775 gam heroine (hêrôin) mục đích để sử dụng.

7. Đối với Nguyễn Văn Đ: Ngày 19/01/2018, tại xóm B, xã TH, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là heroine khối lượng 1,268 gam; 3,5 viên ma túy tổng hợp MDMA thuộc nhóm ATS khối lượng 0,313 gam. Tổng khối lượng 1,581 gam mục đích để sử dụng.

8. Đối với Lý Văn Q và Lê Văn T: Ngày 21/3/2018, tại khu vực đường tránh lũ thuộc xóm GG, xã T, huyện YS, T và quyết có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là heroin có khối lượng 0,409 gam, mục đích sử dụng.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự an toàn xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất gây nghiện. Bản thân các bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức được hành vi của mình nhưng do coi thường pháp luật, các bị cáo đã cố ý phạm tội. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Do vậy, cần áp dụng một mức hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo, cũng như phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Trong vụ án này các bị cáo phạm tội không có tổ chức mà là đồng phạm giản đơn, xét tính chất, mức độ, vai trò và nhân thân của các bị cáo được đánh giá có vai trò từ cao xuống thấp như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị S có hành vi mua bán trái phép chất ma túy: 01 lần bán trái phép chất ma túy cho Trần Văn D 01 gói heroin với 800.000đ, 01 lần bán cho Trần Chí C 01 gói heroin có khối lượng 31,022 gam giá 40 triệu đồng và tàng trữ trái phép 18,720 gam heroin, mục đích bán. Tổng khối lượng là 49,722 gam heroin và thu lợi do bán trái phép chất ma túy là 40.800.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã vi phạm vào điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Trong vụ án bị cáo giữ vai trò cao nhất nên cần buộc bị cáo phải chịu mức án thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo. Khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, bố chồng bị cáo được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cần được áp dụng cho bị cáo.

Bị cáo Trần Chí C 02 lần bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Tuấn P thu lợi với số tiền là 2.300.000 đồng và tàng trữ trái phép 49,722 gam Heroine (heroin) nhằm mục đích bán. Hành vi phạm tội của bị cáo đã vi phạm vào điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự, bị cáo giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bố, mẹ đẻ của bị cáo được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba, mẹ đẻ được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tuyên tặng Bằng khen, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cần được áp dụng cho bị cáo, nhưng bị cáo có nhân thân xấu nên Hội đồng xét xử xử bị cáo mức án trên khởi điểm của khung hình phạt và mức án thấp hơn bị cáo S là phù hợp.

Tiếp theo là bị cáo Phan Hồng H có hành vi tàng trữ nhiều loại ma túy trái phép chất ma túy gồm: Ketamin, ma túy loại MDMA, dạng ma túy tổng hợp nhóm ATS, ma túy MDMA và heroine. Tổng khối lượng ma túy Phan Hồng H tàng trữ là 31,677 gam, mục đích để sử dụng. Bị cáo đã vi phạm vào điểm g, n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, được Công an tỉnh Phú Thọ có công văn đề nghị xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo vì trước khi bị bắt bị cáo đã cung cấp nhiều thông tin có giá trị, hợp tác với Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy phá nhiều vụ án về mua bán ma túy trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo H có thành tích xuất sắc trong phong trào đấu tranh phòng chống tội phạm, được Giám đốc Công an tỉnh LC tặng Giấy khen theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Như vậy, bị cáo có những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được áp dụng cho bị cáo.

Bị cáo Trần Văn D 06 lần có hành vi bán trái phép chất ma túy và tàng trữ nhiều loại ma túy trái phép gồm heroine, Ketamin, Methamphetamine. Tổng khối lượng các loại ma túy tàng trữ trái phép là 15,445 gam, mục đích sử dụng. Bị cáo đã vi phạm vào điểm g, n khoản 2 Điều 249 và điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu nên HĐXX sẽ quyết định mức án cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị cáo Phạm Hùng S có hành vi 01 lần bán trái phép 01 gói hêrôin với giá 2.500.000 đồng cho Nguyễn Tuấn P có khối lượng 1,775 gam heroine và tàng trữ nhiều loại ma túy trái phép. Tổng khối lượng ma túy Phạm Hùng S tàng trữ là 14,760 gam heroine nhằm mục đích để sử dụng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã vi phạm vào điểm g, n khoản 2 Điều 249 và khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, có chú ruột là liệt sỹ, người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, bố đẻ và gia đình bị cáo trực tiếp thờ cúng liệt sỹ, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Tuyên Quang có công văn đề nghị xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là trong quá trình điều tra vụ án đã tích cực tố giác tội phạm, lập công chuộc tội giúp cơ quan điều tra phá án theo quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo S có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên xử bị cáo mức án trên khởi điểm của khung hình phạt về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và mức

khởi điểm của khung hình phạt về tội Mua bán trái phép chất ma túy như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là hêrôn khối lượng 1,268 gam; 3,5 viên ma túy tổng hợp MDMA thuộc nhóm ATS khối lượng 0,313 gam. Tổng khối lượng 1,581 gam mục đích để sử dụng. Bị cáo đã vi phạm vào điểm c, i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để quyết định mức án cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Tuấn P có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, khối lượng 1,775 gam hêrôn mục đích để sử dụng. Bị cáo đã vi phạm vào điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có bố đẻ là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Tuyên Quang có công văn đề nghị xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là trong quá trình điều tra vụ án đã tích cực giúp cơ quan điều tra các tình tiết làm rõ vụ án theo quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng cho bị cáo, nhưng bị cáo có nhân thân xấu nên xử bị cáo mức án trên khởi điểm của khung hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật và mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Bị cáo Lý Văn Q, Lê Văn T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là hêrôn có khối lượng 0,409 gam, mục đích sử dụng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã vi phạm vào điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Bị cáo quyết là người khởi xướng, trực tiếp giao dịch mua bán ma túy, tiền mua ma túy là của bị cáo quyết. Bị cáo quyết có 01 tiền án: Tại bản án số 91 ngày 22/11/2013 của Tòa án nhân dân huyện YS xử phạt Lý Văn Q 03 tháng tù cho hưởng án treo (tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 5.420.000 đồng), phạt tiền 2.000.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng, quyết chưa nộp tiền phạt, án phí, chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo T được bị cáo quyết rủ đi mua về để cùng nhau sử dụng, bị cáo T có nhân thân xấu. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sinh sống vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để quyết định mức án cho phù hợp với quy định của pháp luật, xử bị cáo quyết mức án cao hơn bị cáo T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: tại biên bản xác minh ngày 16/3/2018 (bút lục số 116 tập 1) bị cáo Nguyễn Tuấn P không có tài sản riêng có giá trị; tại biên bản xác minh ngày 04/01/2018 (bút lục số 216 tập 1) bị cáo Phạm Hùng S không có tài sản riêng có giá trị; tại biên bản xác minh ngày 04/5/2018 (bút lục số 14 tập 2) bị cáo Phan Hồng H không có tài sản; tại biên bản xác minh ngày 16/3/2018 (bút lục số 106 tập 2) bị cáo Trần Chí C không có tài sản riêng có giá trị; tại biên bản xác minh ngày 02/3/2018 (bút lục số 215 tập 2) bị cáo Nguyễn Thị S không có tài sản lớn; tại biên bản xác minh ngày 15/3/2018 (bút lục số 16 tập 3) bị cáo Nguyễn Văn Đ không có tài sản gì; tại biên bản xác minh ngày 23/3/2018 (bút lục số 149 tập 3) bị cáo Lý Văn Q không có tài sản riêng có giá trị; tại biên bản xác minh ngày 23/3/2018 (bút lục số 203 tập 3) bị cáo Lê Văn T không có tài sản riêng có giá trị; tại biên bản xác minh ngày 02/4/2018 (bút lục số 36 tập 4) bị cáo Trần Văn D không có tài sản. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, tịch thu toàn bộ hoặc một phần tài sản đối với các bị cáo.

[5] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp nên chấp nhận xử các bị cáo mức án trong mức đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về luận cứ bào chữa của Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý trên cơ sở nội dung tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy đề nghị của Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý đề nghị xử các bị cáo S, C, quyết, T mức án khởi điểm của khung hình phạt là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017;

1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì còn nguyên vẹn mặt trước phong bì ghi “tang vật vụ Nguyễn Tuấn P, giám định ngày 02/01/2018, mặt sau trên các mép dán có chữ ký của Nguyễn Tuấn P và ông Lê Hoài V cán bộ giám định cùng 05 (năm) hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, đặc điểm, tình trạng, khối lượng đã được mô tả rõ ràng trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định;

- 01 (một) phong bì còn nguyên vẹn được niêm phong dán kín, mặt trước bì ghi M1 tang vật của Phạm Hùng S, giám định ngày 03/01/2018, mặt sau trên các mép dán có chữ ký của Phạm Hùng S và thành phần tham gia niêm phong cùng 05 (năm) hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, đặc điểm, tình trạng, khối lượng đã được mô tả rõ ràng trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định;

- 01 (một) bộ đồ sử dụng ma túy đá bằng thủy tinh có ống hút nhựa màu xanh đã qua sử dụng, thu giữ của Phạm Hùng S;

- 02 (hai) bộ đồ sử dụng ma túy đá bằng thủy tinh chưa qua sử dụng, thu giữ của Phạm Hùng S;
- 01 (một) phong bì được niêm phong còn nguyên vẹn, mặt trước bì ghi M1 tang vật vụ Phan Hồng H, giám định ngày 03/01/2018, mặt sau trên các mép dán có chữ ký của Phan Hồng H cùng thành phần tham gia niêm phong cùng 05 (năm) hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, đặc điểm, tình trạng, khối lượng đã được mô tả tỉ mỉ trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định;
- 01 (một) phong bì được niêm phong dán kín còn nguyên vẹn, mặt trước bì ghi số 1394/C54 (TT2) cơ quan CSĐT (P47) Công an tỉnh Tuyên Quang, mặt sau trên các mép dán có chữ ký của Trương Mạnh C và Đồng Mạnh T cùng 03 (ba) hình dấu đỏ của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, đặc điểm, tình trạng, khối lượng đã được mô tả rõ trong biên bản giao nhận;
- 01 (một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn, mặt trước bì ghi “tang vật vụ Trần Chí C, giám định ngày 19/01/2018, mặt sau trên các mép dán được dán kín, trên các mép dán có chữ ký của Trần Chí C và Trần Quốc K giám định viên cùng thành phần tham gia và 05 (năm) hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, đặc điểm, tình trạng, khối lượng đã được mô tả rõ trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định;
- 01 (một) cân điện tử màu trắng, mặt sau có băng dính màu đen, loại cân cũ đã qua sử dụng;
- 01 (một) phong bì được niêm phong còn nguyên vẹn, mặt trước bì ghi tang vật vụ Nguyễn Thị S, giám định ngày 19/01/2018, mặt sau của phong bì có chữ ký giáp lai của Nguyễn Thị S và Trần Quốc K cùng thành phần tham gia niêm phong và 05 (năm) hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, đặc điểm, tình trạng, khối lượng đã được mô tả rõ trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định;
- 01 (một) phong bì được niêm phong còn nguyên vẹn, mặt trước bì ghi tang vật vụ Nguyễn Văn Đ, giám định ngày 19/01/2018, mặt sau trên các mép dán có chữ ký của Nguyễn Văn Đ và Trần Quốc K giám định viên cùng thành phần tham gia niêm phong và 05 (năm) hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, đặc điểm, tình trạng, khối lượng đã được ghi rõ ràng trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định;
- 01 (một) cân điện tử màu trắng đen, có nắp đậy màu trắng, mặt trước có ghi chữ AnPut, cũ đã qua sử dụng; không kiểm tra chất lượng bên trong;
- 01 (một) phong bì được niêm phong còn nguyên vẹn, mặt trước phong bì ghi tang vật vụ Lý Văn Q, Lê Văn T, giám định ngày 21/3/2018, mặt sau trên các mép dán có chữ ký của Lý Văn Q, Lê Văn T cùng thành phần tham gia niêm phong và 05 (năm) hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh

Tuyên Quang, đặc điểm, tình trạng, khối lượng đã được mô tả rõ trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định;

- 01 (một) phong bì được niêm phong dán kín còn nguyên vẹn, mặt trước bì ghi “Tang vật vụ Trần Văn D, giám định ngày 22/3/2018, số chất bột màu trắng ngà trong bì ký hiệu M1A; M1B; M1” mặt sau của phong bì có chữ ký của Trần Văn D và thành phần tham gia niêm phong và 05 (năm) hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, đặc điểm, tình trạng, khối lượng đã được miêu tả rõ trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định;

- 01 (một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn, mặt trước phong bì ghi “Tang vật vụ Trần Văn D, giám định ngày 22/3/2018, mẫu M2 gồm 06 (sáu) gói chứa tinh thể màu trắng” mặt sau của phong bì có chữ ký giáp lai của Trần Văn D và thành phần tham gia niêm phong và 05 (năm) hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, đặc điểm, tình trạng, khối lượng đã được mô tả rõ trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định;

- 01 (một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn, mặt trước phong bì ghi “Tang vật Trần Văn D, giám định ngày 22/3/2018, mẫu M3 gồm các viên nén màu vàng có in ký hiệu DXG” mặt sau các mép dán có chữ ký của Trần Văn D và thành phần tham gia niêm phong cùng 05 (năm) hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, đặc điểm, tình trạng, khối lượng đã được miêu tả rõ trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định;

- 01 (một) phong bì mặt trước ghi 1864/C54 (TT2) mặt sau được niêm phong dán kín trên các mép dán có chữ ký giáp lai của giám định viên Trương Mạnh C, cán bộ điều tra Bàn Văn Q và các hình dấu đỏ của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, đặc điểm, tình trạng, khối lượng đã được miêu tả rõ trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định;

- 01 (một) khẩu súng dài 1,45 mét, có báng súng bằng gỗ, nòng bằng sắt, được dán giấy niêm phong có chữ ký của thành phần tham gia và dấu của cơ quan giám định, thu giữ của Trần Chí C;

- 01 (một) chiếc hộp được niêm phong, dán kín bên ngoài có chữ ký của thành phần tham gia và dấu của cơ quan giám định, bên trong có chứa 01 (một) khẩu súng ngắn màu đen, trên thân súng có ký hiệu “K-17” của Trần Chí C;

- 01 (một) khẩu súng dài khoảng một mét, màu đen, bên ngoài được dán giấy niêm phong có chữ ký của thành phần tham gia giám định và dấu của cơ quan giám định, thu giữ của Nguyễn Văn Đ;

- 01 (một) khẩu súng dài 1,4 mét, đã bị mất bộ phận cò súng, bên ngoài được dán giấy niêm phong và chữ ký của thành phần tham gia cùng dấu đỏ của cơ quan giám định, thu giữ của Trần Văn D;

- 01 (một) nòng súng bằng kim loại, dài khoảng 1,7 mét, nòng rỗng, một đầu có đinh vít, đường kính khoảng 1,8cm.

- 01 (một) thanh kiếm bằng kim loại có dạng hình cánh cung, phần lưỡi màu trắng, chiều dài khoảng 70cm, có vỏ ốp bằng gỗ;

- 01 (một) thanh đao có chiều dài khoảng 98cm, phần lưỡi màu trắng, có đầu nhọn, chuôi đao bằng gỗ màu đen;

- 01 (một) thanh kiếm có chiều dài khoảng 80cm, có phần lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 55cm, chuôi kiếm bằng gỗ, vỏ ốp kiếm bằng gỗ;

- 01 (một) thanh kiếm có chiều dài khoảng một mét, có phần lưỡi bằng kim loại màu trắng, có đầu nhọn, lưỡi kiếm dài khoảng 70 cm, có chuôi bằng gỗ;

Toàn bộ số đao kiếm nêu trên thu giữ của Trương Minh V.

****Trả lại các tài sản sau:***

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tuấn P 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ máy màu trắng, viền máy màu hồng, có ốp nhựa màu trắng, có số Imel 1: 860739036331777; số Imel 2: 860739036331769, trong máy có gắn hai sim điện thoại, sim một có dãy số: 8984040657007527607, sim hai có dãy số 8984040657007527608 vỏ máy có nhiều vết trầy xước, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, tình trạng của máy. Điện thoại tạm giữ của Nguyễn Tuấn P.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Hùng S 01 (một) điện thoại di động SONY, vỏ máy màu hồng có ốp nhựa màu trắng, có số Imel 351637076289424, trong máy có 01 sim điện thoại có dãy số: 8984048000007402124, vỏ máy có nhiều vết trầy xước, màn hình điện thoại có vết rạn nứt, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, tình trạng của máy. Điện thoại tạm giữ của Phạm Hùng S.

- Trả lại cho bị cáo Phan Hồng H: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone, vỏ máy màu trắng, có ốp nhựa màu trắng, có số Imel 355429072335252, trong máy có 01 sim điện thoại có dãy số: 8984048831007190831, vỏ máy có nhiều vết trầy xước, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong. Máy tạm giữ của Phan Hồng H, không lên nguồn; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ máy màu đen, có số Imel 357286082354949; số Imeil 2: 357286082354956, trong máy có 02 sim điện thoại Viettel có dãy số: 8984048008824054422 và số 8984048000003198289, vỏ máy có nhiều vết trầy xước, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy. Máy tạm giữ của Phan Hồng H;

- Trả lại cho bị cáo Trần Chí C 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ máy màu đen, có số Imel 357342082210712, trong máy có 01 sim điện thoại có dãy số: 8984040657008619540, vỏ máy có nhiều vết trầy xước, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy. Máy tạm giữ của Trần Chí C, máy không lên nguồn; 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu HONDA, loại ACCORD màu S trắng biển số 22K4555, có số máy 1701223, số khung GCA 553 XHH 001191, xe ô tô đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy, gương

bên lái bị vỡ, vỏ trầy xước; 01 (một) đăng ký xe ô tô số A0007451, mang tên Hồng Sỹ H, nơi cư trú tổ 3, phố C, thị xã SC, tỉnh Thái Nguyên, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 28/4/2000;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị S: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu MOBELL, vỏ máy màu đen có số Imel 810033600377219, số Imel 2: 810034600377219, trong máy có 01 sim điện thoại có dãy số: 8984048008825323755, vỏ máy có nhiều vết trầy xước, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, tạm giữ của Nguyễn Thị S; 01 (một) điện thoại di động OPPO, vỏ máy màu vàng nhạt có số Imel 864214034101412, số Imel 2: 864214034101404, trong máy có 02 sim điện thoại có dãy số in trên sim: 8984048008810378287 và dãy số 8984048008810378288, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, tạm giữ của Nguyễn Thị S;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ máy màu vàng nhạt có số Imel 355079080609667, số Imel 2: 355080080609665, ngoài vỏ máy có nhiều vết trầy xước, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng trong máy của Nguyễn Văn Đ;

- Trả lại cho bị cáo Lý Văn Q: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu GOLY G102, vỏ máy màu đen, có số Imel 1: 355817074260009, số Imel 2: 355817074260017, trong máy có 01 sim điện thoại có dãy số: 8984048841005521851, vỏ máy có nhiều vết trầy xước, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng trong máy, máy hiện không lên nguồn của Lý Văn Q; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave màu trắng đen, biển số 22B1 - 23893, xe có một gương chiếu hậu bên trái, có số máy HC126-318-2448; số khung RLHHC: 1201BY382427, xe cũ đã qua sử dụng, vỏ xe có nhiều vết trầy xước; không kiểm tra chất lượng máy;

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn D: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar, vỏ máy màu đen, xanh loại máy cảm ứng có số Imel: 359640223496126 và có 01 sim điện thoại có dãy số: 8984048000012839724 điện thoại cũ, vỏ máy có nhiều vết trầy xước, không kiểm tra chất lượng máy của Trần Văn D; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu trắng, loại máy cảm ứng có số Imel: 352135070384076, có 01 sim điện thoại có dãy số: 8984048000014051816, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng trong máy; 01 (một) vòng đeo tay bằng gỗ;

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 28/6/2018).

4. Đối với số tiền do phạm tội mà có

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị S số tiền 40.800.000 đồng (*Bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng*) là tiền thu lời bất chính từ việc bán trái phép chất ma túy mà có để sung quỹ Nhà nước.

- Truy thu của bị cáo Trần Văn D số tiền 5.550.000 đồng (*Năm triệu năm*

trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền thu lời bất chính từ việc bán trái phép chất ma túy mà có để sung quỹ Nhà nước.

- Tịch thu của bị cáo Trần Chí C số tiền 2.300.000 đồng (*hai triệu ba trăm nghìn đồng*) là tiền thu lời bất chính từ việc bán trái phép chất ma túy mà có để sung quỹ Nhà nước. Trả lại cho bị cáo Trần Chí C 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án. Số tiền 2.800.000 đồng (*hai triệu tám trăm nghìn đồng*) thu giữ của bị cáo Trần Chí C hiện đang tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.1054495.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

- Tịch thu của bị cáo Phạm Hùng S số tiền 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*) là tiền thu lời bất chính từ việc bán trái phép chất ma túy mà có để sung quỹ Nhà nước. Số tiền này hiện đang tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.1054495.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

- Trả lại cho bị cáo Phan Hồng H số tiền 350.000 đồng (*ba trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án. Số tiền này hiện đang tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.1054495.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

[8] Ngoài ra, kết quả điều tra xác định: Đầu năm 2016, Trần Chí C lên khu vực xã Kiến Thiết, huyện YS chơi, C mua của một người đàn ông không quen biết 02 khẩu súng tự chế, dạng súng kíp với số tiền 2.000.000 đồng. Sau đó mang về cất giấu 01 khẩu súng vào kho của gia đình, còn 01 khẩu súng vào đầu năm 2017, C cho Trương Minh V, trú tại tổ 21, phường MX, thành phố T. Ngày 29/01/2018, Cơ quan điều tra thu giữ được 01 khẩu súng của C cất giấu tại kho, cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét nơi ở của Trương Minh V, kết quả thu giữ 01 nòng súng bằng kim loại dài 1,7 mét và 04 thanh kiếm bằng kim loại, tiến hành xét nghiệm có kết quả (+) dương tính chất ma túy đối với V. V khai vào trưa ngày 28/01/2018, có một người đàn ông không quen biết cho V một ít ma túy, V đã sử dụng hết. Đối với 04 thanh kiếm bằng kim loại thu của V, xác định vào khoảng năm 2008 V đi chơi tại chợ Cốc Lếu, thành phố LC đã mua của người đàn ông không quen biết, mục đích mang về trưng bày làm đẹp tại nhà thì bị thu giữ. Tại Kết luận giám định số 1423/C54(P3) ngày 20/4/2018 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận: Khẩu súng tự chế dài 135 cm, không có bộ phận cò súng thu giữ ngày 29/01/2018 của Trần Chí C là súng kíp, thuộc súng săn, không phải vũ khí quân dụng.

Đối với hành vi tàng trữ khẩu súng ký hiệu “K-17” và khẩu súng tự chế dài 135 cm, không có bộ phận cò súng của Trần Chí C. Tại Kết luận giám định số 1423/C54(P3) ngày 20/4/2018 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận 02 khẩu súng trên không phải vũ khí quân dụng, ngày 10/5/2018 Giám đốc Công an tỉnh Tuyên Quang xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền, số tiền 7.500.000 đồng.

Đối với hành vi không giao nộp khẩu súng kíp dài 1,35 mét của C, ngày 10/5/2018 Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Tuyên Quang xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 3.000.000 đồng.

Đối với hành vi không giao nộp vũ khí là khẩu súng có ký hiệu “Narauder Super well Switch valve” của Nguyễn Văn Đ, ngày 24/01/2018, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Tuyên Quang xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền, số tiền 3.000.000 đồng.

Đối với hành vi tàng trữ trái phép vũ khí thô sơ là 04 thanh kiếm của Trương Minh V, ngày 05/02/2018 Giám đốc Công an tỉnh Tuyên Quang xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền, số tiền 15.000.000 đồng.

Đối với hành vi không giao nộp khẩu súng kíp của Trần Văn D, ngày 05/4/2018 Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Tuyên Quang xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền, số tiền 3.000.000 đồng.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Tuấn P, Phạm Hùng S, Phan Hồng H, Trần Chí C, Nguyễn Văn Đ, Trương Minh V, Lý Văn Q, Lê Văn T và Trần Văn D, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Tuyên Quang đã xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Phan Hồng H tại nhà Phạm Hùng S, do S không biết nên không có căn cứ xử lý S về tội chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại Điều 256 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra Nguyễn Thị S, Trần Chí C, Phan Hồng H, Phạm Hùng S, Nguyễn Văn Đ và Trần Văn D khai báo số ma túy bị thu giữ đều mua của những người đàn ông không biết họ tên, địa chỉ tại nhiều địa điểm thuộc huyện ĐH, tỉnh Phú Thọ; huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; khu vực bến xe khách Thái Nguyên, khu vực bến xe khách huyện SD, khu vực bến xe khách thành phố T. Do không xác định được tên, tuổi, địa chỉ của những người này nên không có căn cứ xử lý.

Đối với chị Nguyễn Thị C chủ tài sản xe mô tô BKS 22B1-449.54 không biết Trần Văn D sử dụng xe vào việc phạm tội nên không đề cập xử lý.

Đối với người đàn ông đến xưởng sửa xe của Trương Minh V, cho V sử dụng trái phép chất ma túy, do không xác định được nhân thân nên không có căn cứ xử lý.

Đối với người đàn ông bán 04 thanh kiếm cho V, quá trình điều tra không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ xử lý.

[9] Về tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. quyếtuá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng

của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp. Hội đồng xét xử đảm bảo xét xử đúng quy định của pháp luật.

[10] Các bị cáo Nguyễn Thị S, Trần Chí C, Phan Hồng H, Trần Văn D, Phạm Hùng S, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tuấn P, Lý Văn Q, Lê Văn T mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

quyết ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 251; Điều 249; Điều 51; Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tuyên bố:

Các bị cáo Nguyễn Thị S, Trần Chí C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Các bị cáo Trần Văn D, Phạm Hùng S phạm hai tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Mua bán trái phép chất ma túy”

Các bị cáo Phan Hồng H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tuấn P, Lý Văn Q, Lê Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng: điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị S 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/01/2018.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Chí C 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/01/2018.

3. Áp dụng: điểm g, n khoản 2 Điều 249; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Xử phạt: Bị cáo Phan Hồng H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2018.

4. Áp dụng: điểm g, n khoản 2 Điều 249; điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Xử phạt: Bị cáo Trần Văn D 06 (sáu) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/3/2018.

5. Áp dụng: điểm g, n khoản 2 Điều 249; khoản 1 Điều 251; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Xử phạt: Bị cáo Phạm Hùng S 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; 02 (hai) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 07 (bảy)

năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2018.

6. Áp dụng: điểm c, i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/01/2018.

7. Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/01/2018.

8. Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Xử phạt: Bị cáo Lý Văn Q02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/3/2018.

9. Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/3/2018.

*** Về xử lý vật chứng**

Áp dụng: Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015;

1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì còn nguyên vẹn mặt trước phong bì ghi “tang vật vụ Nguyễn Tuấn P, giám định ngày 02/01/2018, mặt sau trên các mép dán có chữ ký của Nguyễn Tuấn P và ông Lê Hoài V cán bộ giám định cùng 05 (năm) hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, đặc điểm, tình trạng, khối lượng đã được mô tả rõ ràng trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định;

- 01 (một) phong bì còn nguyên vẹn được niêm phong dán kín, mặt trước bì ghi M1 tang vật của Phạm Hùng S, giám định ngày 03/01/2018, mặt sau trên các mép dán có chữ ký của Phạm Hùng S và thành phần tham gia niêm phong cùng 05 (năm) hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, đặc điểm, tình trạng, khối lượng đã được mô tả rõ ràng trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định;

- 01 (một) bộ đồ sử dụng ma túy đá bằng thủy tinh có ống hút nhựa màu xanh đã qua sử dụng, thu giữ của Phạm Hùng S;

- 02 (hai) bộ đồ sử dụng ma túy đá bằng thủy tinh chưa qua sử dụng, thu giữ của Phạm Hùng S;

- 01 (một) phong bì được niêm phong còn nguyên vẹn, mặt trước bì ghi M1 tang vật vụ Phan Hồng H, giám định ngày 03/01/2018, mặt sau trên các mép dán có chữ ký của Phan Hồng H cùng thành phần tham gia niêm phong

cùng 05 (năm) hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, đặc điểm, tình trạng, khối lượng đã được mô tả tỉ mỉ trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định;

- 01 (một) phong bì được niêm phong dán kín còn nguyên vẹn, mặt trước bì ghi số 1394/C54 (TT2) cơ quan CSĐT (P47) Công an tỉnh Tuyên Quang, mặt sau trên các mép dán có chữ ký của Trương Mạnh C và Đồng Mạnh T cùng 03 (ba) hình dấu đỏ của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, đặc điểm, tình trạng, khối lượng đã được mô tả rõ trong biên bản giao nhận;

- 01 (một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn, mặt trước bì ghi “tang vật vụ Trần Chí C, giám định ngày 19/01/2018, mặt sau trên các mép dán được dán kín, trên các mép dán có chữ ký của Trần Chí C và Trần quýtuốc K giám định viên cùng thành phần tham gia và 05 (năm) hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, đặc điểm, tình trạng, khối lượng đã được mô tả rõ trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định;

- 01 (một) cân điện tử màu trắng, mặt sau có băng dính màu đen, loại cân cũ đã qua sử dụng;

- 01 (một) phong bì được niêm phong còn nguyên vẹn, mặt trước bì ghi tang vật vụ Nguyễn Thị S, giám định ngày 19/01/2018, mặt sau của phong bì có chữ ký giáp lai của Nguyễn Thị S và Trần Quốc K cùng thành phần tham gia niêm phong và 05 (năm) hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, đặc điểm, tình trạng, khối lượng đã được mô tả rõ trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định;

- 01 (một) phong bì được niêm phong còn nguyên vẹn, mặt trước bì ghi tang vật vụ Nguyễn Văn Đ, giám định ngày 19/01/2018, mặt sau trên các mép dán có chữ ký của Nguyễn Văn Đ và Trần Quốc K giám định viên cùng thành phần tham gia niêm phong và 05 (năm) hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, đặc điểm, tình trạng, khối lượng đã được ghi rõ ràng trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định;

- 01 (một) cân điện tử màu trắng đen, có nắp đậy màu trắng, mặt trước có ghi chữ AnPut, cũ đã qua sử dụng; không kiểm tra chất lượng bên trong;

- 01 (một) phong bì được niêm phong còn nguyên vẹn, mặt trước phong bì ghi tang vật vụ Lý Văn Q, Lê Văn T, giám định ngày 21/3/2018, mặt sau trên các mép dán có chữ ký của Lý Văn Q, Lê Văn T cùng thành phần tham gia niêm phong và 05 (năm) hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, đặc điểm, tình trạng, khối lượng đã được mô tả rõ trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định;

- 01 (một) phong bì được niêm phong dán kín còn nguyên vẹn, mặt trước bì ghi “Tang vật vụ Trần Văn D, giám định ngày 22/3/2018, số chất bột màu trắng ngà trong bì ký hiệu M1A; M1B; M1” mặt sau của phong bì có chữ ký của Trần Văn D và thành phần tham gia niêm phong và 05 (năm) hình dấu

đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, đặc điểm, tình trạng, khối lượng đã được miêu tả rõ trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định;

- 01 (một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn, mặt trước phong bì ghi “Tang vật vụ Trần Văn D, giám định ngày 22/3/2018, mẫu M2 gồm 06 (sáu) gói chứa tinh thể màu trắng” mặt sau của phong bì có chữ ký giáp lai của Trần Văn D và thành phần tham gia niêm phong và 05 (năm) hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, đặc điểm, tình trạng, khối lượng đã được mô tả rõ trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định;

- 01 (một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn, mặt trước phong bì ghi “Tang vật Trần Văn D, giám định ngày 22/3/2018, mẫu M3 gồm các viên nén màu vàng có in ký hiệu DXG” mặt sau các mép dán có chữ ký của Trần Văn D và thành phần tham gia niêm phong cùng 05 (năm) hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, đặc điểm, tình trạng, khối lượng đã được miêu tả rõ trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định;

- 01 (một) phong bì mặt trước ghi 1864/C54 (TT2) mặt sau được niêm phong dán kín trên các mép dán có chữ ký giáp lai của giám định viên Trương Mạnh C, cán bộ điều tra Bàn Văn Q và các hình dấu đỏ của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, đặc điểm, tình trạng, khối lượng đã được miêu tả rõ trong biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định;

- 01 (một) khẩu súng dài 1,45 mét, có báng súng bằng gỗ, nòng bằng sắt, được dán giấy niêm phong có chữ ký của thành phần tham gia và dấu của cơ quan giám định, thu giữ của Trần Chí C;

- 01 (một) chiếc hộp được niêm phong , dán kín bên ngoài có chữ ký của thành phần tham gia và dấu của cơ quan giám định, bên trong có chứa 01 (một) khẩu súng ngắn màu đen, trên thân súng có ký hiệu “K-17” của Trần Chí C;

- 01 (một) khẩu súng dài khoảng một mét, màu đen, bên ngoài được dán giấy niêm phong có chữ ký của thành phần tham gia giám định và dấu của cơ quan giám định, thu giữ của Nguyễn Văn Đ;

- 01 (một) khẩu súng dài 1,4 mét, đã bị mất bộ phận cò súng, bên ngoài được dán giấy niêm phong và chữ ký của thành phần tham gia cùng dấu đỏ của cơ quan giám định, thu giữ của Trần Văn D;

- 01 (một) nòng súng bằng kim loại, dài khoảng 1,7 mét, nòng rỗng, một đầu có đinh vít, đường kính khoảng 1,8cm.

Tất cả các khẩu súng, nòng súng nêu trên không phải là vũ khí quân dụng.

- 01 (một) thanh kiếm bằng kim loại có dạng hình cánh cung, phần lưỡi màu trắng, chiều dài khoảng 70cm, có vỏ ốp bằng gỗ;

- 01 (một) thanh đao có chiều dài khoảng 98cm, phần lưỡi màu trắng, có đầu nhọn, chuôi đao bằng gỗ màu đen;

- 01 (một) thanh kiếm có chiều dài khoảng 80cm, có phần lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 55cm, chuôi kiếm bằng gỗ, vỏ ốp kiếm bằng gỗ;
 - 01 (một) thanh kiếm có chiều dài khoảng một mét, có phần lưỡi bằng kim loại màu trắng, có đầu nhọn, lưỡi kiếm dài khoảng 70 cm, có chuôi bằng gỗ;
- Toàn bộ số dao kiếm nêu trên thu giữ của Trương Minh V.

2. Trả lại các tài sản sau:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tuấn P 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ máy màu trắng, viền máy màu hồng, có ốp nhựa màu trắng, có số Imel 1: 860739036331777; số Imel 2: 860739036331769, trong máy có gắn hai sim điện thoại, sim một có dãy số: 8984040657007527607, sim hai có dãy số 8984040657007527608 vỏ máy có nhiều vết trầy xước, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, tình trạng của máy. Điện thoại tạm giữ của Nguyễn Tuấn P.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Hùng S 01 (một) điện thoại di động SONY, vỏ máy màu hồng có ốp nhựa màu trắng, có số Imel 351637076289424, trong máy có 01 sim điện thoại có dãy số: 8984048000007402124, vỏ máy có nhiều vết trầy xước, màn hình điện thoại có vết rạn nứt, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, tình trạng của máy. Điện thoại tạm giữ của Phạm Hùng S.

- Trả lại cho bị cáo Phan Hồng H: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone, vỏ máy màu trắng, có ốp nhựa màu trắng, có số Imel 355429072335252, trong máy có 01 sim điện thoại có dãy số: 8984048831007190831, vỏ máy có nhiều vết trầy xước, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong. Máy tạm giữ của Phan Hồng H, không lên nguồn; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ máy màu đen, có số Imel 357286082354949; số Imeil 2: 357286082354956, trong máy có 02 sim điện thoại Viettel có dãy số: 8984048008824054422 và số 8984048000003198289, vỏ máy có nhiều vết trầy xước, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy. Máy tạm giữ của Phan Hồng H;

- Trả lại cho bị cáo Trần Chí C 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ máy màu đen, có số Imel 357342082210712, trong máy có 01 sim điện thoại có dãy số: 8984040657008619540, vỏ máy có nhiều vết trầy xước, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy. Máy tạm giữ của Trần Chí C, máy không lên nguồn; 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu HONDA, loại ACCORD màu S trắng biển số 22K4555, có số máy 1701223, số khung GCA 553 XHH 001191, xe ô tô đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy, gương bên lái bị vỡ, vỏ trầy xước; 01 (một) đăng ký xe ô tô số A0007451, mang tên Hồng Sỹ H, nơi cư trú tổ 3, phố C, thị xã SC, tỉnh Thái Nguyên, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 28/4/2000;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị S: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu MOBELL, vỏ máy màu đen có số Imel 810033600377219, số Imel 2: 810034600377219, trong máy có 01 sim điện thoại có dãy số:

8984048008825323755, vỏ máy có nhiều vết trầy xước, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, tạm giữ của Nguyễn Thị S; 01 (một) điện thoại di động OPPO, vỏ máy màu vàng nhạt có số Imel 864214034101412, số Imel 2: 864214034101404, trong máy có 02 sim điện thoại có dãy số in trên sim: 8984048008810378287 và dãy số 8984048008810378288, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, tạm giữ của Nguyễn Thị S;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ máy màu vàng nhạt có số Imel 355079080609667, số Imel 2: 355080080609665, ngoài vỏ máy có nhiều vết trầy xước, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng trong máy của Nguyễn Văn Đ;

- Trả lại cho bị cáo Lý Văn Q: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu GOLY G102, vỏ máy màu đen, có số Imel 1: 355817074260009, số Imel 2: 355817074260017, trong máy có 01 sim điện thoại có dãy số: 8984048841005521851, vỏ máy có nhiều vết trầy xước, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng trong máy, máy hiện không lên nguồn của Lý Văn Q; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave màu trắng đen, biển số 22B1 - 23893, xe có một gương chiếu hậu bên trái, có số máy HC126-318-2448; số khung RLHHC: 1201BY382427, xe cũ đã qua sử dụng, vỏ xe có nhiều vết trầy xước; không kiểm tra chất lượng máy;

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn D: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar, vỏ máy màu đen, xanh loại máy cảm ứng có số Imel: 359640223496126 và có 01 sim điện thoại có dãy số: 8984048000012839724 điện thoại cũ, vỏ máy có nhiều vết trầy xước, không kiểm tra chất lượng máy của Trần Văn D; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu trắng, loại máy cảm ứng có số Imel: 352135070384076, có 01 sim điện thoại có dãy số: 8984048000014051816, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng trong máy; 01 (một) vòng đeo tay bằng gỗ;

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 28/6/2018).

3. Đối với số tiền do phạm tội mà có

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị S số tiền 40.800.000 đồng (*Bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng*) là tiền thu lời bất chính từ việc bán trái phép chất ma túy mà có để sung quỹ Nhà nước.

- Truy thu của bị cáo Trần Văn D số tiền 5.550.000 đồng (*Năm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) là tiền thu lời bất chính từ việc bán trái phép chất ma túy mà có để sung quỹ Nhà nước.

- Tịch thu của bị cáo Trần Chí C số tiền 2.300.000 đồng (*hai triệu ba trăm nghìn đồng*) là tiền thu lời bất chính từ việc bán trái phép chất ma túy mà có để sung quỹ Nhà nước. Trả lại cho bị cáo Trần Chí C 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*), nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án. Số tiền 2.800.000 đồng (*hai*

triệu tám trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Trần Chí C hiện đang tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.1054495.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

- Tịch thu của bị cáo Phạm Hùng S số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền thu lời bất chính từ việc bán trái phép chất ma túy mà có để sung quỹ Nhà nước. Số tiền này hiện đang tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.1054495.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

- Trả lại cho bị cáo Phan Hồng H số tiền 350.000 đồng (ba trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án. Số tiền này hiện đang tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.1054495.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

*** Về án phí:**

Áp dụng: Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTV quyết H14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Thị S, Trần Chí C, Phan Hồng H, Trần Văn D, Phạm Hùng S, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tuấn P, Lý Văn Q, Lê Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

*** Về quyền kháng cáo:**

Áp dụng: Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Cục THADS tỉnh T. Quang;
- Công an tỉnh T.Quang (CquyếtCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công tỉnh T.Quang;
- Sở T pháp tỉnh T.Quang;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS + Tòa án (Phòng HC-TP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hương

